

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM - CTCP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Tháng 8 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 47

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Khải Hoàn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Tiến Vỹ	Thành viên
Ông Phan Kim Khoa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2025)
Ông Ngô Quang Trung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025)
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên
Bà Trần Thị Nguyệt	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Giang	Tổng Giám đốc
Ông Lê Minh Quy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Công Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 22 tháng 8 năm 2025)

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Phương Lan	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Diên	Thành viên
Bà Lê Thị Thanh Bình	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Hoàng Giang - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trong kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tổng Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Số: 297/VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy Động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam-CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy động lực và Máy Nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 26 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 47 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Tổng Công ty đang ghi nhận các khoản công nợ, hàng tồn kho đã phát sinh lâu ngày chưa đánh giá khả năng thu hồi làm cơ sở trích lập đầy đủ các khoản dự phòng tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

- Khoản ứng trước cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto (CHANGAN) với số tiền 135 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 135 tỷ VND) đang trong quá trình khởi kiện và chưa có phán quyết cuối cùng; các khoản phải thu tồn đọng, phát sinh lâu ngày (bao gồm: các khoản phải thu, phải thu khác, ứng trước cho người bán và tài sản thiếu chờ xử lý) với số tiền khoảng 142,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 khoảng 139,5 tỷ VND).
- Như trình bày tại Thuyết minh số 11, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với một số mã hàng tồn kho chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị nhưng cơ sở áp dụng để xác định giá trị thuần có thể thực hiện được chưa phù hợp với các quy định hiện hành; đồng thời, Tổng Công ty có một số mã hàng tồn kho chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị nhưng chưa được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết và thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu, giá trị thuần có thể thu hồi của hàng tồn kho đã phát sinh và tồn đọng lâu ngày nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản phải thu, dự phòng giảm giá hàng tồn kho và các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty chưa ghi nhận đầy đủ giá trị phát sinh liên quan đến tài sản thừa/thiếu chờ xử lý phát sinh từ kiểm kê tại Nhà máy ô tô VEAM - Chi nhánh của Tổng Công ty. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết và thích hợp để có thể đánh giá được liệu có cần điều chỉnh khoản mục này và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, giá trị Chi phí mua bản quyền công nghệ liên quan đến Dự án nghiên cứu, chế tạo máy kéo 4 bánh hạng trung đang được Tổng Công ty ghi nhận tại chi tiêu Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang với số tiền 53,5 tỷ VND (Thuyết minh số 15 của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ), trong khi đó giá trị chi phí này đã được Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kết luận các cá nhân liên quan có trách nhiệm bồi hoàn toàn bộ cho Tổng Công ty. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thông tin, tài liệu cần thiết và thích hợp để đánh giá được liệu có cần điều chỉnh khoản mục Chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty hay không.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị toàn bộ - Công ty con của Tổng Công ty đang ghi nhận trên chi tiêu Chi phí trả trước dài hạn với giá trị 492,5 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 473 tỷ VND), bao gồm chi phí khấu hao, chi phí lãi vay và một số khoản chi phí khác; Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ với giá trị 8,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 8,8 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu nhập được đầy đủ bằng chứng thích hợp các khoản chi phí trả trước và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nói trên. Do ảnh hưởng của vấn đề này, chúng tôi không thể đánh giá được liệu có cần thiết phải điều chỉnh khoản mục chi phí trả trước dài hạn, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và các khoản mục có liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Tổng Công ty hay không.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng có thể có của các vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 8, tại đó Tổng Công ty trình bày thông tin liên quan đến việc ghi nhận khoản lãi hỗ trợ vốn của Tổng Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 15, Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp chưa hoàn tất các thủ tục gia hạn dự án “Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ”, dự án cũng không phát sinh các hoạt động triển khai cũng như nghiệm thu.

Như trình bày tại Thuyết minh số 38, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam (là Công ty con của Tổng Công ty) đã gửi các Công văn đến các cơ quan có thẩm quyền để kiến nghị được tiếp tục áp dụng đơn giá thuê đất theo Quyết định số 1357/TC/QĐ/TCT ngày 30 tháng 12 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, kết quả kiến nghị vẫn chưa được các cơ quan có thẩm quyền phản hồi.

Như trình bày tại Thuyết minh số 39, Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (là Công ty con của Tổng Công ty) chưa ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư tài chính Thái Bình Dương với giá trị 40 tỷ VND do không có đủ cơ sở hồ sơ tài liệu từ các đối tác liên quan.

Như trình bày tại Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

- Cho đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ ngày 30 tháng 6 năm 2025, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt chính thức quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam tại thời điểm Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Tổng Công ty chưa ghi nhận công nợ phải thu các cá nhân liên quan phải thi hành án và khoản lãi chậm trả tương ứng theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các vấn đề khác

Thông tin so sánh cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, báo cáo kiểm toán số 258/UHY-BCKT đề ngày 24 tháng 3 năm 2025; Thông tin so sánh cho các chỉ tiêu trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét số 901/2024/UHY-BCSX đề ngày 28 tháng 8 năm 2024. Các báo cáo phát hành với ý kiến kiểm toán là Ý kiến kiểm toán ngoại trừ, và kết luận soát xét là Kết luận soát xét ngoại trừ, do:

Tổng Công ty chưa trích lập đủ dự phòng khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, khoản chi phí treo lại chờ xử lý của Nhà máy sắt xộp ngừng hoạt động từ năm 2015. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, như mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” trên đây.



Chữ Mạnh Hoan

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.039.570.902.814	18.721.872.715.582
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	329.417.442.724	411.763.339.601
1. Tiền	111		215.153.713.956	262.076.518.638
2. Các khoản tương đương tiền	112		114.263.728.768	149.686.820.963
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	16.261.266.781.080	13.098.359.931.765
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		16.261.266.781.080	13.098.359.931.765
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.076.380.067.119	3.831.834.101.297
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	925.415.388.558	924.710.726.837
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	204.982.300.665	199.911.879.299
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.581.840.107.994	3.342.143.271.731
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(645.805.741.492)	(645.022.225.505)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	9	9.948.011.394	10.090.448.935
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.232.925.440.775	1.250.893.782.055
1. Hàng tồn kho	141		1.793.929.182.432	1.783.217.465.405
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(561.003.741.657)	(532.323.683.350)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		139.581.171.116	129.021.560.864
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	25.494.030.815	22.246.209.212
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		111.615.208.222	105.406.635.534
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18	2.471.932.079	1.368.716.118
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		5.721.941.926.842	8.821.302.441.007
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.526.605.707	11.397.282.463
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	11.526.605.707	11.397.282.463
II. Tài sản cố định	220		1.344.831.722.033	1.422.994.933.713
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.269.628.617.863	1.346.573.523.069
- Nguyên giá	222		5.498.761.225.941	5.490.377.771.469
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.229.132.608.078)	(4.143.804.248.400)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	75.203.104.170	76.421.410.644
- Nguyên giá	228		126.143.312.285	126.143.312.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.940.208.115)	(49.721.901.641)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	85.505.619.558	84.264.630.728
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		85.505.619.558	84.264.630.728
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	3.661.034.319.722	6.702.867.363.467
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3.595.870.522.964	6.637.703.566.709
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		66.313.796.758	66.313.796.758
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.150.000.000)	(1.150.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		619.043.659.822	599.778.230.636
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	618.996.431.666	599.731.002.480
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		47.228.156	47.228.156
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		30.761.512.829.656	27.543.175.156.589

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.175.411.257.866	1.294.986.180.575
I. Nợ ngắn hạn	310		1.121.569.756.617	1.244.150.877.196
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	295.313.184.812	340.373.144.675
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	19.062.961.875	18.556.396.566
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	88.738.758.537	75.821.955.160
4. Phải trả người lao động	314		124.546.172.300	205.376.535.149
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	86.998.733.666	87.814.155.588
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		5.348.214.369	5.590.244.794
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	174.406.078.917	170.513.758.155
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	135.330.820.312	127.155.668.919
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.741.235.680	2.741.235.680
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		189.083.596.149	210.207.782.510
II. Nợ dài hạn	330		53.841.501.249	50.835.303.379
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	17	395.155.522	395.155.522
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		10.940.322.859	7.101.536.907
3. Phải trả dài hạn khác	337	20	1.649.565.300	1.679.207.300
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		39.870.727.100	40.884.721.176
5. Dự phòng phải trả dài hạn	342		985.730.468	774.682.474
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		29.586.101.571.790	26.248.188.976.014
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	29.583.877.264.188	26.245.710.543.446
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		13.288.000.000.000	13.288.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		27.089.186.656	27.089.186.656
3. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(71.424.341.027)	(71.424.341.027)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		4.531.573.183	4.360.314.104
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.125.501.907	28.125.501.907
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.071.028.895.548	12.749.121.724.961
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		12.698.114.809.996	5.387.929.160.246
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.372.914.085.552	7.361.192.564.715
7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		236.526.447.921	220.438.156.845
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.224.307.602	2.478.432.568
1. Nguồn kinh phí	431		(83.098.463)	(98.098.463)
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		2.307.406.065	2.576.531.031
TỔNG CÔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		30.761.512.829.656	27.543.175.156.589



Nguyễn Hoàng Giang
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Vũ Phong Hải
 Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.091.846.169.543	1.929.838.871.487
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.364.300.113	6.858.172.265
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		2.087.481.869.430	1.922.980.699.222
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	1.796.686.995.502	1.619.657.963.591
5. Lợi nhuận/ (lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		290.794.873.928	303.322.735.631
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	423.010.650.070	442.218.564.161
7. Chi phí tài chính	22	28	4.608.238.790	2.336.191.509
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		538.524.258	1.021.038.412
8. Lãi từ hoạt động đầu tư vào công ty liên kết	24		3.069.469.580.495	2.865.531.003.586
9. Chi phí bán hàng	25	29	44.606.336.373	42.568.148.910
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	228.679.113.255	202.291.348.912
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		3.505.381.416.075	3.363.876.614.047
12. Thu nhập khác	31	30	6.827.416.399	3.909.038.963
13. Chi phí khác	32	31	4.849.952.725	5.394.185.061
14. Lợi nhuận/ (lỗ) khác (40 = 31 - 32)	40		1.977.463.674	(1.485.146.098)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.507.358.879.749	3.362.391.467.949
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	98.222.836.701	105.554.350.592
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(1.013.994.076)	(780.087.999)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.410.150.037.124	3.257.617.205.356
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61		3.372.914.085.552	3.218.559.810.670
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		37.235.951.572	39.057.394.686
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	2.538	2.422



Nguyễn Hoàng Giang
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Signature

Vũ Phong Hải
 Phụ trách kế toán

Signature

Bùi Tuấn Anh
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	3.507.358.879.749	3.362.391.467.949
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	117.401.156.513	123.016.110.993
- Các khoản dự phòng	03	29.674.622.288	(10.980.488.381)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	286.844.571	(796.691.673)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.486.542.206.958)	(3.299.110.785.812)
- Chi phí lãi vay	06	538.524.258	1.021.038.412
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	168.717.820.421	175.540.651.488
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(12.241.273.343)	(15.630.703.045)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(10.711.717.027)	48.288.962.322
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(106.964.943.533)	(165.472.093.915)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(22.513.250.789)	(9.431.897.592)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(363.834.785)	(275.430.540)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(92.915.624.764)	(187.754.415.704)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	266.236.597	835.369.411
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(95.927.318.663)	(68.163.879.674)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(172.653.905.886)	(222.063.437.249)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(45.149.940.389)	(39.481.695.389)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	3.662.320.600	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.328.359.024.097)	(14.429.616.362.195)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	12.165.452.174.782	10.859.931.865.537
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.287.720.685.382	3.847.607.494.081
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	83.326.216.278	238.441.302.034
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	47.999.330.651	48.223.068.984
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(39.824.179.258)	(53.207.151.351)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.648.502.848)	(358.025.548)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.526.648.545	(5.342.107.915)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(82.801.041.063)	11.035.756.870
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	411.763.339.601	358.402.283.328
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	455.144.186	386.474.617
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	329.417.442.724	369.824.514.815



Nguyễn Hoàng Giang
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Vũ Phong Hải
 Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
 Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100103866, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 10 năm 2010 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp và đăng ký thay đổi lần thứ mười một ngày 01 tháng 7 năm 2024. Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP hoạt động dưới hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước một thành viên thuộc Bộ Công thương trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4874/QĐ-BCT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc cổ phần hóa Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam; Quyết định số 562/QĐ-TTg ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam; và Quyết định số 5029/QĐ-BTC ngày 23 tháng 12 năm 2016 của Bộ Công thương về việc Điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Vốn điều lệ của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP là 13.288.000.000.000 VND, được chia thành 1.328.800.000 cổ phần phổ thông, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND. Từ ngày 02 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP được giao dịch trên thị trường UPCOM với mã chứng khoán là VEA.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại Lô D, khu D1, phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Các hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp;
- Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy);
- Sản xuất xe có động cơ, mô tô, xe máy; Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá;
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị, phụ tùng máy nông nghiệp, ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe động cơ khác; Bán mô tô, xe máy;
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy, bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Sản xuất lò nướng, lò luyện, lò nung, các thiết bị hạ, bốc xếp;
- Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén, máy thông dụng khác;
- Sản xuất máy công cụ, máy tạo hình kim loại và máy luyện kim;
- Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng; Sản xuất sắt, thép, gang, đúc sắt, đúc thép, đúc kim loại màu;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại, thùng chứa, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Rèn, dập, ép và cán kim loại;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác); Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị, thiết bị điện, thiết bị điện tử và quang học;
- Nghiên cứu khoa học và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn và hoạt động khoa học khác chưa được phân vào đâu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Xây dựng nhà các loại, lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi, điều hòa không khí và hệ thống xây dựng khác; Khai thác quặng sắt, kim loại khác không chứa sắt, quặng kim loại quý hiếm;
- Buôn bán kim loại, quặng kim loại; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn vải; Hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và sản phẩm liên quan;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Tư vấn môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Trong kỳ, hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh xe có động cơ, máy động lực và máy nông nghiệp.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, các đơn vị trực thuộc Tổng Công ty bao gồm:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ	Chế độ hạch toán
1	Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Số 90 - 92 Trần Bình Trọng, phường Chợ Quán, thành phố Hồ Chí Minh	Hạch toán phụ thuộc
2	Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP - Chi nhánh Nghệ An	Số 284, đường Bình Minh phường Cửa Lò, tỉnh Nghệ An	Hạch toán phụ thuộc
3	Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	Phường Quang Trung, tỉnh Thanh Hoá	Hạch toán độc lập
4	Chi nhánh Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - Nhà máy Đức	Lô B15, khu B, khu công nghiệp Hiệp Phước, đường Nguyễn Văn Tạo, xã Hiệp Phước, thành phố Hồ Chí Minh.	Hạch toán độc lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Thông tin chi tiết về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

STT	Tên công ty con/ Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con					
1	Công ty CP Cơ khí chính xác số 1	Thành phố Hà Nội	51,00	51,00	Sản xuất kinh doanh sản phẩm cơ khí, bơm thủy lực. Bơm nước, dụng cụ, khuôn mẫu gá lắp
2	Công ty CP Cơ khí Phở Yên	Thái Nguyên	51,00	51,00	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho các động cơ
3	Công ty CP Cơ khí Cổ Loa	Thành phố Hà Nội	53,66	53,66	Vận tải hàng hóa đường bộ
4	Công ty CP Vận tải và Thương mại VEAM	Thành phố Hà Nội	51,00	51,00	Vận chuyển khách, vận tải hàng hóa đường bộ
5	Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ (i)	Thành phố Hà Nội	51,00	51,99	Bán buôn máy móc, thiết bị và các phụ tùng máy khác
6	Công ty CP Phụ tùng máy số 1	Thái Nguyên	55,00	55,00	Sản xuất, mua bán vật tư, phụ tùng cho xe có động cơ
7	Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp	Thành phố Hà Nội	100,00	100,00	Sản xuất máy kéo, máy nông nghiệp
8	Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo	Bắc Ninh và TP Hà Nội	100,00	100,00	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp
9	Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công	Thái Nguyên	100,00	100,00	Sản xuất phụ tùng phục vụ các ngành nông nghiệp, ngư nghiệp
10	Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	Đồng Nai	100,00	100,00	Sản xuất động cơ và máy nông nghiệp
11	Viện Công nghệ	Thành phố Hà Nội	100,00	100,00	Nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ các lĩnh vực vật liệu, đúc, nhiệt luyện, cơ khí, tự động hóa.
12	Veam Korea Corporation	Hàn Quốc	89,00	89,00	Xuất khẩu các sản phẩm của Hàn Quốc sang thị trường Việt Nam
13	Công ty CP Cơ khí Vinh (ii)	Nghệ An	49,00	59,93	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty liên kết					
1	Công ty CP Nakycó	Thành phố Hồ Chí Minh	49,00	49,00	Sản xuất, mua bán các loại máy móc, thiết bị, phụ tùng
2	Công ty CP Cơ khí An Giang	An Giang	47,41	47,41	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu
3	Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	Thành phố Hà Nội	29,01	29,01	Xây dựng nhà ở và văn phòng làm việc; cung cấp dịch vụ công cộng cho khu đô thị, khu nhà ở và văn phòng
4	Công ty Honda Việt Nam	Vĩnh Phúc	30,00	30,00	Sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu xe máy, ô tô để bán và xuất khẩu
5	Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	Vĩnh Phúc	20,00	20,00	Lắp đặt và sản xuất các loại ô tô và phụ tùng ô tô và cung cấp dịch vụ bảo hành, sửa chữa ô tô tại Việt Nam
6	Công ty CP Matexim Hải Phòng (iii)	Hải Phòng	20,38	21,23	Vận tải hành khách, bán buôn kim loại và quặng kim loại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

STT	Tên công ty con/ Công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty liên kết					
7	Công ty TNHH Ford Việt Nam (iv)	Hải Dương	25,00	25,00	Lắp đặt và sản xuất các xe và phụ tùng ô tô; nhập khẩu; xuất khẩu các loại xe ô tô
8	Công ty Cổ phần Golden City - CKV (v)	Nghệ An	14,30	26,00	Kinh doanh Bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Ghi chú:

- (i) Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 51,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông công (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 0,99%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ là 51,99%.
- (ii) Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là Công ty con của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 49,00% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1 (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 55,00% quyền biểu quyết) là 10,93%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là 59,93%.
- (iii) Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là Công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty là 19,46% và tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 51,99% quyền biểu quyết) là 1,77%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng là 21,23%.
- (iv) Công ty TNHH Ford Việt Nam là Công ty liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Diesel Sông Công (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 100% quyền biểu quyết) là 25,00%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty TNHH Ford Việt Nam là 25,00%.
- (v) Công ty Cổ phần Golden City - CKV là Công ty liên doanh liên kết của Tổng Công ty do tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh (là Công ty con mà Tổng Công ty nắm giữ 59,33% quyền biểu quyết) là 26,00%. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Golden City - CKV là 26,00%.

Theo hợp đồng nguyên tắc đầu tư số 26/2015/HĐNT-HT/GDC-CKV ngày 12 tháng 8 năm 2015, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh và Công ty Cổ phần Golden City góp vốn với mục đích hợp tác đầu tư và xây dựng dự án trên diện tích 40.789,5 m² tại Số 7, Đường Mai Hắc Đế, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An. Tại thời điểm hợp tác đầu tư, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh là đơn vị quản lý và sử dụng lô đất trên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 189519 được Ủy ban Nhân dân Tỉnh Nghệ An cấp ngày 12 tháng 9 năm 2008. Tiếp theo đó, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh và Công ty Cổ phần Golden City ký tiếp hợp đồng liên doanh số 27/2015/HĐNT-HT/GDC-CKV ngày 12 tháng 8 năm 2015 về việc thành lập công ty liên doanh là Công ty Cổ phần Golden City - CKV, theo đó, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh thực hiện góp vốn bằng tiền mặt với số tiền là 5.200.000.000 đồng, tương đương với 26,00%. Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh đã vay Công ty Cổ phần Golden City số tiền tương ứng theo hợp đồng vay số 10/2016/HĐVT.GOLDEN, theo đó, toàn bộ cổ tức và lợi ích của Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh tại Công ty Cổ phần Golden City - CKV sẽ thuộc về Công ty Cổ phần Golden City và sau khi kết thúc thời hạn vay, Công ty Cổ phần Cơ khí Vinh sẽ chuyển nhượng lại toàn bộ cổ phần này cho Công ty Cổ phần Golden City với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu để đổi trừ với khoản tiền vay trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 đã được soát xét.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ này được trình bày cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Chế độ Kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền), phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất (Tiếp theo)

VEAM Korea Corporation - công ty con của Tổng Công ty sử dụng Won Hàn Quốc (KRW) làm đơn vị tiền tệ kế toán. Cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính theo luật định tại Việt Nam, VEAM Korea Corporation đã thực hiện chuyển đổi báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được lập bằng Won Hàn Quốc (KRW) sang Đồng Việt Nam (VND) theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi ra Đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (là tỷ giá chuyển khoản của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2025);
- Vốn chủ sở hữu (vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần) được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày góp vốn;
- Chênh lệch tỷ giá được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày đánh giá;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh sau ngày đầu tư được quy đổi ra Đồng Việt Nam bằng cách tính toán theo các khoản mục của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ;
- Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân trong kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh khi chuyển đổi Báo cáo tài chính giữa niên độ của VEAM Korea Corporation được lập bằng Won Hàn Quốc (KRW) sang Đồng Việt Nam được ghi nhận trên chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” - Mã số 417 thuộc phần Vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- (a) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
- (b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy; do đó, Tổng Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản thuần đem trao đổi, các khoản nợ phải đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Trong trường hợp trước ngày kiểm soát, khoản đầu tư là công ty liên kết hoặc khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty mẹ và giao dịch mua công ty con được đánh giá là giao dịch hợp nhất kinh doanh, khi lập báo cáo hợp nhất, bên mua đánh giá lại khoản đầu tư trước đây theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát và ghi nhận phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư tính từ thời điểm ngày 23 tháng 01 năm 2017 (thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần) đến thời điểm lập báo cáo tài chính, với mức trích lập bằng số lỗ của bên nhận đầu tư phát sinh trong giai đoạn này nhân với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản hỗ trợ vốn

Các khoản hỗ trợ vốn là các khoản hỗ trợ cho các công ty con và công ty liên doanh liên kết theo các hợp đồng có lãi suất từ 0%/năm đến 5%/năm, được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản hỗ trợ vốn và phải thu lãi hỗ trợ vốn quá hạn của Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty được trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Phương pháp kế toán để hạch toán hàng tồn kho mà Tổng Công ty sử dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 08

Các tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất, trong đó:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao (Tiếp theo)

Địa điểm	Thời gian sử dụng
Quyền sử dụng đất tại lô D, khu D1, phường Phú Thượng, thành phố Hà Nội	50 năm
Quyền sử dụng đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, thành phố Hồ Chí Minh	Đang làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất
Quyền sử dụng đất tại Khách sạn Veam Cửa Lò	Lâu dài
Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ	Lâu dài
Quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Phụ tùng máy số 1	Lâu dài
Quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tiên Sơn, Bắc Ninh của Công ty Cổ phần Cơ khí Trần Hưng Đạo	47 năm
Quyền sử dụng đất tại khu phố 1, phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam	13,5 năm
Quyền sử dụng đất của Viện Công nghệ	Lâu dài
Quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Diesel Sông Công	Lâu dài

Các tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác bao gồm bằng sáng chế, phần mềm máy tính và bản quyền Website của Tổng Công ty được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất và thuê văn phòng, giá trị thương hiệu, chi phí đề tài nghiên cứu khoa học và các khoản chi phí trả trước khác.

Giá trị thương hiệu: được ghi nhận trên biên bản xác định doanh nghiệp của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 10 năm kể từ thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Tiền thuê đất và thuê văn phòng, Chi phí trả trước hạ tầng KCN: thể hiện số tiền thuê đã được trả trước. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí trả trước (Tiếp theo)

Chi phí nhà máy sắt xộp: là chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xộp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ - Công ty con của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được phân bổ khi nhà máy có doanh thu hoạt động tương ứng.

Chi phí cơ sở hạ tầng bãi xe ô tô: là chi phí liên quan đến tiền thuê cơ sở hạ tầng phục vụ bãi đỗ xe ô tô đã trả trước cho nhiều kỳ. Chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác: bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí bảo trì tòa nhà và các chi phí nhỏ khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương tháng thứ mười ba, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 là:

- Bộ Công thương: Cổ đông chiếm 88,47% vốn điều lệ của Tổng Công ty;
- Các Công ty liên kết: như trình bày tại mục 1 - Thông tin khái quát - Cấu trúc doanh nghiệp;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng: Lãnh đạo chủ chốt.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.485.651.767	4.121.049.029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	211.668.062.189	257.955.469.609
Các khoản tương đương tiền (i)	114.263.728.768	149.686.820.963
Cộng	329.417.442.724	411.763.339.601

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 3,5%/năm đến 4,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (i)				
Tiền gửi có kỳ hạn				
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	832.181.567.566	832.181.567.566	1.548.181.567.566	1.548.181.567.566
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	6.285.403.000.000	6.285.403.000.000	2.056.103.000.000	2.056.103.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	8.179.045.090.226	8.179.045.090.226	6.704.545.090.226	6.704.545.090.226
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	588.300.000.000	588.300.000.000	85.600.000.000	85.600.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Hồ Chí Minh	140.100.000.000	140.100.000.000	90.930.000.000	90.930.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	65.530.000.000	65.530.000.000	63.800.000.000	63.800.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	43.000.000.000	43.000.000.000	2.403.000.000.000	2.403.000.000.000
Các Ngân hàng TMCP khác	127.707.123.288	127.707.123.288	146.200.273.973	146.200.273.973
Cộng	16.261.266.781.080	16.261.266.781.080	13.098.359.931.765	13.098.359.931.765

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị thuần theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (ii)	1.090.396.118.044	3.595.870.522.964	1.090.396.118.044	6.637.703.566.709
Công ty Cổ phần Nakycos	10.550.698.651	-	10.550.698.651	-
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang	23.823.075.776	60.377.892.389	23.823.075.776	54.603.156.670
Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ (iii)	9.467.051.066	9.547.207.502	9.467.051.066	9.480.620.727
Công ty Honda Việt Nam	359.311.428.087	2.071.515.826.380	359.311.428.087	5.302.286.801.542
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	287.776.054.812	652.233.067.849	287.776.054.812	526.148.666.336
Công ty TNHH Ford Việt Nam	374.904.000.000	779.249.218.378	374.904.000.000	722.157.717.548
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	19.363.809.652	17.747.310.466	19.363.809.652	17.826.603.886
Công ty Cổ phần Golden City - CKV	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, khu DI, phường Phú Thượng,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác (iv)	66.313.796.758	(1.150.000.000)	66.313.796.758	(1.150.000.000)
Công ty TNHH Năm sao Hà Nội	45.112.913.628	-	45.112.913.628	-
Công ty Cổ phần Kumba	11.001.060.828	-	11.001.060.828	-
Công ty TNHH Mekong Auto	-	-	-	-
Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	5.050.000.000	(1.150.000.000)	5.050.000.000	(1.150.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Matexim Phát Linh	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa	149.822.302	-	149.822.302	-

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các Ngân hàng Thương mại bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng từ ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (ii) Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty dựa trên Báo cáo tài giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025 của các Công ty;

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào các công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và/hoặc các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ;

- (iii) Tổng Công ty đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ bằng quyền sử dụng đất tại Lô D, Khu DI, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022083. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã thực hiện mua lại 5 tầng văn phòng và đang trong quá trình thực hiện các thủ tục chuyển giao quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Đầu tư VEAM Tây Hồ;
- (iv) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính của Công ty TNHH Năm sao Hà Nội, Công ty Cổ phần Kumba, Công ty TNHH Mekong Auto, Công ty Cổ phần Đầu tư Matexim Phát Linh và Công ty Cổ phần Du lịch Thác Đa cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác của Tổng Công ty được đánh giá lại tại thời điểm cổ phần hóa và đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn	720.545.308.748	287.070.370.372	689.880.134.820	285.714.986.922
Công ty CP Đầu tư Minh Quang	19.049.744.651	19.049.744.651	19.049.744.651	19.049.744.651
Công ty CP Thép Minh Quang	79.320.729.210	79.320.729.210	79.320.729.210	79.320.729.210
Công ty CP Thương mại và Đầu tư tương lai	76.792.879.435	76.792.879.435	76.792.879.435	76.792.879.435
Các đối tượng khác	545.381.955.452	111.907.017.076	514.716.781.524	110.551.633.626
b) Phải thu khách hàng ngắn hạn là bên liên quan	204.870.079.810	95.405.401.437	234.830.592.017	95.405.401.437
Công ty Honda Việt Nam	103.319.682.604	-	120.304.906.340	-
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong	2.172.222.000	2.172.222.000	2.172.222.000	2.172.222.000
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	6.144.995.769	-	19.120.284.240	-
Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	93.233.179.437	93.233.179.437	93.233.179.437	93.233.179.437
Cộng	925.415.388.558	382.475.771.809	924.710.726.837	381.120.388.359

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	28.802.572.396	1.888.858.254	23.732.151.030	1.888.858.254
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture (i)	1.700.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng và Thương mại Nam Anh	1.675.712.100	-	-	-
Các đối tượng khác	25.426.860.296	188.858.254	22.032.151.030	188.858.254
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan	176.179.728.269	41.153.879.039	176.179.728.269	41.153.879.039
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto (ii)	169.609.728.269	34.583.879.039	169.609.728.269	34.583.879.039
Chi nhánh Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng tại Quảng Ninh	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000	6.500.000.000
Công ty Cổ phần Nakycos	70.000.000	70.000.000	70.000.000	70.000.000
Cộng	204.982.300.665	43.042.737.293	199.911.879.299	43.042.737.293

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM 9.000.000.000 VND. Năm 2023, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội chuyển cho Tổng Công ty số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường là 7.300.000.000 VND. Khoản trả trước Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan đã bồi thường.
- (ii) Bao gồm khoản ứng trước cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto (“MAC”) theo hợp đồng số 16/2014/VEAM-Mekong Auto ký ngày 22/10/2014 số tiền 134.589.036.240 VND và khoản ứng trước xe mẫu số tiền 436.812.990 VND. Theo hợp đồng, Tổng Công ty sẽ thanh toán trước toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto theo các chứng từ nhập khẩu để Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto lắp ráp và bán cho Tổng Công ty 1.500 sản phẩm xe tải nhẹ nhãn hiệu Changan Model SC1022DB4N4. Tổng Công ty đã thanh toán toàn bộ giá trị linh kiện nhập khẩu cho Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và nhận được 239 xe lắp đặt hoàn chỉnh; khoản công nợ còn lại tương ứng với số linh kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đã nhập khẩu nhưng chưa bàn giao xe cho Tổng Công ty. Hiện Tổng Công ty đã nộp đơn khởi kiện Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto và các đối tượng khác có liên quan ngày 29/3/2023 và đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 16/11/2023 đến Tòa án nhân dân huyện Đông Anh - thành phố Hà Nội. Công ty cũng đã nộp tiền tạm ứng án phí theo Thông báo ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh.

Theo đơn khởi kiện, Tổng Công ty yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên Hợp đồng 16, Đơn hàng 15 vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu với kiến nghị MAC phải hoàn trả Tổng Công ty khoản tiền tạm ứng của Đơn hàng 15 là 160.097.982.240 VND, chấp nhận việc Tổng Công ty hoàn trả cho MAC số tiền 32.963.700.000 VND tương ứng 239 xe thành phẩm Tổng Công ty đã nhận bàn giao, như vậy sau khi khấu trừ, MAC còn phải hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền 127.134.282.240 VND. Đồng thời Tổng Công ty đã đề nghị Tòa án thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 1261 bộ linh kiện xe Changan.

Liên quan đến hợp đồng 16 và đơn hàng 15, Tổng Công ty cũng đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh 8 tháng 3 Hà Nội (“Sacombank”), yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm có thẩm quyền tuyên Hợp đồng cầm cố số 0118102017/HDCC (VEAM cầm cố giấy tờ có giá với tổng giá trị là 150.000.000.000 VND, bao gồm: Hợp đồng tiền gửi số 020035491791/HĐTG-SACOMBANK-VEAM; và Hợp đồng tiền gửi số 020043150007/HĐTG-SACOMBANK-VEAM để bảo đảm toàn bộ nghĩa vụ của Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto đối với Hợp đồng mua bán số 2017CA0220HB mà chi nhánh này ký với đối tác Changan International Corporation để mua 1.500 bộ linh kiện để lắp ráp xe ô tô cho Đơn Hàng 15 nêu trên với thỏa thuận thanh toán bằng thư tín dụng không hủy ngang) và Hợp đồng Quản lý tài khoản chuyên dụng vô hiệu và giải quyết hậu quả của Hợp đồng vô hiệu, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, phiên xét xử đầu tiên ngày 22/7/2025.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm (Trình bày lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu khác ngắn hạn	6.581.840.107.994	220.287.232.390	3.342.143.271.731	219.548.076.992
a1) Phải thu khác ngắn hạn không là bên liên quan	527.301.943.924	98.934.619.091	679.092.432.086	97.679.190.230
Tạm ứng	3.011.177.179	-	1.921.968.364	-
Ký quỹ, ký cược	4.066.145.046	-	5.442.566.928	-
Lãi dự thu hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	358.631.907.083	-	510.206.266.966	-
Phải thu về cổ phần hóa (i)	10.164.296.365	-	10.164.296.365	-
Thuế nhà thầu của hợp đồng VEAM-ZIBO (cabin) (ii)	957.390.582	-	957.390.582	-
Phải thu về tiền lãi quá hạn và phạt vi phạm hợp đồng (iii)	94.188.312.415	92.877.289.554	94.188.312.415	92.877.289.554
Các đối tượng khác	56.282.715.254	6.057.329.537	56.211.630.466	4.801.900.676
a2) Phải thu khác ngắn hạn là bên liên quan	6.054.538.164.070	121.352.613.299	2.663.050.839.645	121.868.886.762
<i>Các khoản phải thu tiền hỗ trợ vốn</i>				
Công ty Cổ phần Nakycos	1.504.324.210	1.504.324.210	1.504.324.210	1.504.324.210
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	82.600.000.000	82.600.000.000	83.150.000.000	83.150.000.000
<i>Phải thu lãi hỗ trợ vốn (*)</i>				
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	34.234.914.328	32.887.947.904	34.234.914.328	32.887.947.904
Công ty Cổ phần Nakycos	1.388.261.289	1.313.801.363	1.388.261.289	1.280.074.826
<i>Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia</i>				
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng	1.868.256.000	1.868.256.000	1.868.256.000	1.868.256.000
Công ty Cổ phần Nakycos	200.903.500	200.903.500	200.903.500	200.903.500
Công ty Honda Việt Nam	5.931.764.124.421	-	2.539.726.799.996	-
<i>Phải thu khác</i>				
Công ty Cổ phần Matexim Hải Phòng và các chi nhánh	977.380.322	977.380.322	977.380.322	977.380.322
b) Phải thu khác dài hạn	11.526.605.707	-	11.397.282.463	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	45.700.000	-	45.700.000	-
Phải thu dài hạn khác	11.480.905.707	-	11.351.582.463	-
Tổng cộng	6.593.366.713.701	220.287.232.390	3.353.540.554.194	219.548.076.992

Ghi chú:

- (*) Trong những năm trước năm 2014, Tổng Công ty đã ký kết các hợp đồng hỗ trợ vốn với các công ty con và công ty liên doanh liên kết, lãi hỗ trợ vốn đã được ghi nhận đến ngày 31/12/2014 (bao gồm khoản lãi hỗ trợ vốn ghi nhận bổ sung trong năm 2024 với số tiền 9.216.513.359 VND theo Kết luận thanh tra số 1538/KL-TTCTP ngày 07/7/2023 của Thanh tra Chính phủ). Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty mẹ đã dừng ghi nhận lãi hỗ trợ vốn từ các công ty này. Lãi hỗ trợ vốn phát sinh trong giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/6/2025 theo các điều khoản của hợp đồng vẫn được Tổng Công ty theo dõi chi tiết theo quy định, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản lãi hỗ trợ vốn cho giai đoạn này vào doanh thu tài chính do theo hướng dẫn tại điểm d khoản 1 và điểm b khoản 3 điều 80 Thông tư số 200/2014/TT-BTC thì khoản lãi hỗ trợ vốn phát sinh trong giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/6/2025 chưa đủ điều kiện để ghi nhận doanh thu tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Các khoản phải thu về cổ phần hóa phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến quá trình cổ phần hóa. Giá trị này có thể được điều chỉnh lại khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền
- (ii) Khoản phải thu tiền thuế nhà thầu đã nộp 957.390.582 VND, theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tổng Công ty không phải nộp số tiền thuế này, do đó Tổng Công ty sẽ được cục thi hành án thu hồi lại số tiền từ cơ quan thuế.
- (iii) Các khoản phải thu về tiền phạt vi phạm hợp đồng, tiền lãi quá hạn đối với 19 đối tượng nợ tại Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại VEAM (viết tắt là "Vetraco").

9. TÀI SẢN THIỂU CHỜ XỬ LÝ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng tồn kho	9.350.729.445	9.493.166.986
Tài sản cố định	597.281.949	597.281.949
Cộng (*)	9.948.011.394	10.090.448.935

Ghi chú:

(*) Bao gồm giá trị hàng tồn kho và tài sản cố định thiếu phát hiện trong quá trình kiểm kê:

- Biên bản kiểm kê ngày 23 tháng 01 năm 2017 (ngày Tổng Công ty chính thức chuyển sang công ty cổ phần); Biên bản kiểm kê tại thời điểm 31/12/2020 và Báo cáo kiểm kê số 575/BC-KD&PTTT ngày 09/9/2024 của Văn phòng Công ty mẹ. Trong đó, tài sản thiếu chờ xử lý theo Báo cáo kiểm kê số 575/BC-KD&PTTT ngày 09 tháng 09 năm 2024 đã được Văn phòng Công ty mẹ xử lý. Hàng tồn kho và tài sản cố định tại Văn phòng Công ty mẹ - Tổng Công ty kiểm kê phát hiện thiếu: tại ngày 30/06/2025 là 4.480.227.657 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.493.764.928 VND);
- Biên bản kiểm kê ngày 31/12/2019 và 31/12/2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07/02/2020 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02/03/2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08/01/2022 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản họp số 01/BB-VM ngày 10/01/2022 về công tác kiểm kê năm 2021; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08/01/2023 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản họp số 01/BB-VM ngày 10/01/2023 về công tác kiểm kê năm 2022 của Nhà máy Ô tô VEAM; Báo cáo kết quả kiểm kê năm 2023 số 07A/BC-HĐKK ngày 23/01/2024 và Biên bản họp về công tác kiểm kê năm 2023 số 02A/BB-VM ngày 23/01/2024 của Nhà máy ô tô Veam. Hàng tồn kho kiểm kê phát hiện thiếu tại Nhà máy ô tô VEAM - chi nhánh của Tổng Công ty kê tại ngày 30 tháng 06 năm 2025 với giá trị là 4.296.609.308 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 4.349.211.124 VND); và
- Giá trị tài sản thiếu chờ xử lý tại Công ty con - Công ty Cổ phần Cơ khí Trần Hưng Đạo: 1.171.174.429 VND.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

10. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
	VND	VND		VND	VND	
a) Phải thu khách hàng	433.759.835.087	51.283.253.278		433.791.760.325	52.681.371.966	
Công ty CP Thương mại và Đầu tư tương lai	76.792.879.435	-	trên 3 năm	76.792.879.435	-	trên 3 năm
Công ty CP Thép Minh Quang	79.320.729.210	-	trên 3 năm	79.320.729.210	-	trên 3 năm
Công ty CP Matexim Hải Phòng và các Chi nhánh	93.233.179.437	-	trên 3 năm	93.233.179.437	-	trên 3 năm
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	2.172.222.000	-	trên 3 năm	2.172.222.000	-	trên 3 năm
Các đối tượng khác	182.240.825.005	51.283.253.278	trên 3 năm	182.272.750.243	52.681.371.966	trên 3 năm
b) Trả trước cho người bán ngắn hạn	178.068.586.523	135.025.849.230		178.078.586.523	135.025.849.230	
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto	169.609.728.269	135.025.849.230	trên 3 năm	169.609.728.269	135.025.849.230	trên 3 năm
CN Công ty CP Matexim Hải phòng tại Quảng Ninh	6.500.000.000	-	trên 3 năm	6.500.000.000	-	trên 3 năm
Công ty TNHH Shandong Tangjun Ouling Automobile Manufacture	1.700.000.000	-	trên 3 năm	1.700.000.000	-	trên 3 năm
Công ty Cổ phần Nakycos	70.000.000	-	trên 3 năm	70.000.000	-	trên 3 năm
Các đối tượng khác	188.858.254	-	trên 3 năm	198.858.254	-	trên 3 năm
c) Phải thu khác ngắn hạn	221.707.848.740	1.421.426.350		222.314.252.740	1.455.152.887	
Công ty CP Matexim Hải Phòng	1.868.256.000	-	trên 3 năm	1.868.256.000	-	trên 3 năm
Công ty CP Nakycos	200.903.500	-	trên 3 năm	200.903.500	-	trên 3 năm
Công ty CP Matexim Hải Phòng	977.380.322	-	trên 3 năm	977.380.322	-	trên 3 năm
Thuế TNCN Chương trình " Khách hàng thân thiết"	3.594.830.000	-	trên 3 năm	3.594.830.000	-	trên 3 năm
Các khoản hỗ trợ vốn và lãi hỗ trợ vốn	119.727.499.827	1.421.426.350	trên 3 năm	120.277.499.827	1.455.152.887	trên 3 năm
Phải thu về lãi hợp đồng theo bản án	92.877.289.554	-	trên 3 năm	92.877.289.554	-	trên 3 năm
Các đối tượng khác	2.461.689.537	-	trên 3 năm	2.518.093.537	-	trên 3 năm
Cộng	833.536.270.350	187.730.528.858		834.184.599.588	189.162.374.083	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	281.767.574	-	87.699.392	-
Nguyên liệu, vật liệu	275.161.475.820	(36.641.053.606)	253.624.136.119	(36.976.900.223)
Công cụ, dụng cụ	59.190.854.598	(4.321.266.850)	66.442.602.942	(4.321.266.850)
Chi phí sản xuất dở dang (*)	241.497.803.779	(2.700.734.734)	228.136.244.126	(2.700.734.734)
Thành phẩm	989.418.814.333	(458.624.477.133)	990.285.243.891	(431.812.473.525)
Hàng hóa	185.202.529.301	(43.041.893.541)	182.089.825.264	(39.786.244.382)
Hàng gửi bán	43.175.937.027	(15.674.315.793)	62.551.713.671	(16.726.063.636)
Cộng	1.793.929.182.432	(561.003.741.657)	1.783.217.465.405	(532.323.683.350)

Ghi chú:

(*) Bao gồm khoản chi phí sản xuất kinh doanh liên quan đến Nhà máy sắt xộp đã ngừng hoạt động từ nhiều năm phát sinh tại Chi nhánh Matexim Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ - Công ty con Tổng Công ty với số tiền là 8.802.002.030 VND.

(i) Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 30/6/2025 bao gồm:

- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trên cơ sở giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá tháng 11 năm 2023 là 85.180.975.110 VND (tại ngày 31/12/2024 là 511.424.606.394 VND), trong đó: tại Văn phòng Công ty mẹ là 5.735.324.306 VND, tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM là 79.445.650.804 VND;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập trên cơ sở giá bán ước tính tại Chứng thư và Báo cáo kết quả thẩm định giá tháng 5 năm 2025 tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM là 455.340.810.834 VND;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lập trên cơ sở đơn giá bán phế liệu của Chi nhánh Nhà máy Đúc là 341.899.076 VND (tại ngày 31/12/2024 là 445.594.138 VND); và
- Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại các công ty con (bao gồm: Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp; Công ty CP Cơ khí Phô Yên; Công ty CP Cơ khí Vinh; Công ty CP Vật tư và Thiết bị toàn bộ và Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam) là 20.130.056.637 VND.

(ii) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Tổng Công ty có một số mã hàng tồn kho chậm luân chuyển và có dấu hiệu suy giảm giá trị nhưng chưa được trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền khoảng 142,1 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 khoảng 150,6 tỷ VND), trong đó:

- Giá trị tại Văn phòng Công ty mẹ là 70.850.027.607 VND (tại ngày 31/12/2024 là 70.856.245.957 VND).
- Giá trị tại Chi nhánh Nhà máy Ô tô VEAM là 38.808.696.011 VND (tại ngày 31/12/2024 là 52.862.255.056 VND).
- Giá trị tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo - Công ty con số tiền khoảng 16,1 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 10,5 tỷ VND).
- Giá trị tại Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Toàn bộ - Công ty con số tiền khoảng 16,4 tỷ VND (tại ngày 31/12/2024 là 16,4 tỷ VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	25.494.030.815	22.246.209.212
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.478.570.981	16.084.014.668
Các khoản bảo hiểm và lệ phí	674.937.696	651.991.846
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	10.340.522.138	5.510.202.698
Dài hạn	618.996.431.666	599.731.002.480
Chi phí thuê đất, văn phòng (i)	21.731.720.214	22.782.124.580
Giá trị thương hiệu (ii)	4.885.796.943	6.430.714.263
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	44.946.502.764	39.976.028.700
Chi phí nhà máy sắt xộp (iii)	492.571.414.070	473.066.380.911
Cơ sở hạ tầng bãi xe ô tô	3.686.514.295	3.742.810.545
Chi phí trả trước hạ tầng KCN Phú Nghĩa	29.606.414.491	29.929.784.385
Chi phí trả trước dài hạn khác	21.568.068.889	23.803.159.096
Cộng	644.490.462.481	621.977.211.692

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất bao gồm tiền thuê đất tại văn phòng số 90-92 Trần Bình Trọng - Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 15/04/2028; tiền thuê đất cùng tài sản có sẵn trên đất theo thời hạn 12 tháng đến ngày 01/9/2025 theo hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/TAMAC-VEAM/2024 ký ngày 27/09/2024 và tiền thuê đất trả trước theo Hợp đồng thuê lại đất số 30/HĐTD.05 ngày 28 tháng 3 năm 2005 giữa Công ty Phát triển Công nghiệp Tân Thuận và Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam. Khoản mục này đã được điều chuyển từ Công ty TNHH MTV Đức máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam và được Chi nhánh ghi nhận theo Biên bản bàn giao tài sản hình thành sau đầu tư ngày 20/9/2012 giữa Tổng Công ty và Chi nhánh.
- (ii) Thể hiện giá trị thương hiệu của Tổng Công ty được tính vào giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa doanh nghiệp và được phân bổ trong 10 năm.
- (iii) Là khoản chi phí lãi vay, khấu hao, tiền thuê đất của Nhà máy sắt xộp ngừng hoạt động từ năm 2015 và Chi nhánh Bắc Kạn của Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ - Công ty con Tổng Công ty. Trong đó: chi phí trả trước dài hạn của Nhà máy sắt xộp là 434.043.512.676 VND (tại ngày 31/12/2024 là 414.538.479.517 VND) và Chi nhánh Matexim Bắc Kạn là 58.527.901.394 VND (tại ngày 31/12/2024 là 58.527.901.394 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	1.744.591.277.882	3.467.587.231.433	240.716.128.992	33.628.791.936	3.854.341.226	5.490.377.771.469
- Mua trong kỳ	764.667.491	36.973.967.055	1.491.900.000	7.407.407	-	39.237.941.953
- Tăng khác	-	-	13.263.965	9.847.715	-	23.111.680
- Thanh lý, nhượng bán	-	(29.399.043.751)	(1.022.405.455)	(363.559.046)	-	(30.785.008.252)
- Giảm khác	-	(35.500.000)	-	(57.090.909)	-	(92.590.909)
Tại ngày cuối kỳ	1.745.355.945.373	3.475.126.654.737	241.198.887.502	33.225.397.103	3.854.341.226	5.498.761.225.941
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	1.139.153.684.966	2.755.952.079.514	218.428.093.541	26.484.087.483	3.786.302.896	4.143.804.248.400
- Khấu hao trong kỳ	30.423.881.939	79.527.178.976	5.487.251.334	739.900.516	4.637.274	116.182.850.039
- Tăng khác	-	-	13.263.605	9.845.195	-	23.108.800
- Thanh lý, nhượng bán	-	(29.399.043.751)	(1.022.405.455)	(363.559.046)	-	(30.785.008.252)
- Giảm khác	-	(35.500.000)	-	(57.090.909)	-	(92.590.909)
Tại ngày cuối kỳ	1.169.577.566.905	2.806.044.714.739	222.906.203.025	26.813.183.239	3.790.940.170	4.229.132.608.078
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	605.437.592.916	711.635.151.919	22.288.035.451	7.144.704.453	68.038.330	1.346.573.523.069
Tại ngày cuối kỳ	575.778.378.468	669.081.939.998	18.292.684.477	6.412.213.864	63.401.056	1.269.628.617.863

Nguyên giá của tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là 2.076.949.039.620 VND (Tại ngày 31/12/2024 là 1.984.594.653.441 VND).

Tại ngày 30/6/2025, tại Văn phòng Công ty mẹ, nguyên giá TSCĐ hữu hình hỏng tạm thời không sử dụng là 52.202.831.236 VND (giá trị còn lại là 6.779.102.488 VND), nguyên giá tài sản cố định hỏng đang sử dụng là 5.777.656.387 VND (giá trị còn lại là 69.600.797 VND).

Các Công ty con của Tổng Công ty sử dụng tài sản cố định được hình thành từ vốn vay và một số tài sản cố định khác để thế chấp cho các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Bản quyền, bằng sáng chế	Quyền sử dụng đất, phí cơ sở hạ tầng KCN	Phần mềm	Phí bản quyền	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	1.795.000.000	88.405.060.703	22.002.905.257	13.855.846.325	84.500.000	126.143.312.285
Tại ngày cuối kỳ	1.795.000.000	88.405.060.703	22.002.905.257	13.855.846.325	84.500.000	126.143.312.285
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	1.795.000.000	21.003.094.243	13.187.952.165	13.651.355.233	84.500.000	49.721.901.641
- Khấu hao trong kỳ	-	437.984.392	739.555.990	40.766.092	-	1.218.306.474
Tại ngày cuối kỳ	1.795.000.000	21.441.078.635	13.927.508.155	13.692.121.325	84.500.000	50.940.208.115
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						-
Tại ngày đầu năm	-	67.401.966.460	8.814.953.092	204.491.092	-	76.421.410.644
Tại ngày cuối kỳ	-	66.963.982.068	8.075.397.102	163.725.000	-	75.203.104.170

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng lô đất tại số 37 Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 10.262.436.326 VND đang trong quá trình làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 với giá trị là 25.938.890.942 VND (ngày 31/12/2024 là 25.938.890.942 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung (i)	53.507.597.654	53.507.597.654
Chi phí xây dựng văn phòng, nhà xưởng Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo (ii)	11.871.206.422	11.871.206.422
Dự án di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ của Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp (iii)	10.288.550.496	10.288.550.496
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	9.838.264.986	8.597.276.156
Cộng	85.505.619.558	84.264.630.728

Ghi chú:

- (i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung thể hiện phí bản quyền chuyển giao công nghệ theo Hợp đồng số 02/VEAM-ISEKI/2016 ký ngày 05 tháng 7 năm 2016 với ISEKI & CO., LTD với số tiền là 56.529.995.370 VND cho Dự án Đầu tư sản xuất máy kéo 4 bánh hạng trung tại Bim Sơn. Tổng Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển giao công nghệ theo Công văn số 24/GCN-BKHCN tại ngày 02 tháng 8 năm 2016. Theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐQT ngày 26/06/2020 của Hội đồng Quản trị đã quyết nghị giao Tổng Giám đốc Tổng Công ty chỉ đạo triển khai các công việc tiếp tục đánh giá thị trường máy kéo bốn bánh (MK4B) theo hướng hợp tác với các đơn vị tư vấn đánh giá thị trường chuyên nghiệp để có cơ sở cho các quyết định đầu tư phát triển và thực hiện chế thử hợp số MK4B theo thiết kế của Li - xăng ISEKI nhằm tận dụng năng lực sản xuất cơ khí có sẵn của các đơn vị trong Tổng Công ty cũng như các đơn vị bên ngoài để giảm thiểu tối đa tổng mức đầu tư sản xuất.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, các cá nhân có liên quan phải bồi thường cho VEAM là 48.943.720.130 VND, VEAM được hoàn lại số tiền thuế nhà thầu đã nộp là 7.586.276.240 VND. Các cá nhân có liên quan đang thực hiện bồi thường. Khoản chi phí đầu tư xây dựng cơ bản của Dự án “Đầu tư sản xuất máy kéo bốn bánh hạng trung” được ghi giảm giá trị tương ứng với số tiền các cá nhân có liên quan bồi thường khoảng 3 tỷ VND.

- (ii) Bao gồm chi phí lương, khảo sát thiết kế và các khoản chi phí khác chưa được quyết toán của Dự án Di chuyển và xây mới Công ty (Giai đoạn II). Một số hạng mục của dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng đã được Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo ghi nhận tạm tăng Tài sản cố định từ năm 2003 - 2010.

- (iii) Dự án được phê duyệt chủ trương thực hiện theo Nghị quyết số 23/NQ-VEAM/HĐTV ngày 31/7/2014 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam.

Theo Quyết định số 141/QĐ-VEAM/HĐTV ngày 02/11/2016:

- Tên dự án: Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ
- Công suất: 28.000 máy kéo 2 bánh/năm
- Tổng mức đầu tư: 432.146.684.000VND
- Thời gian thực hiện: Từ quý IV/2016 đến quý I/2018

Theo Quyết định số 51/QĐ-HĐQT ngày 12/10/2020 về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện dự án “Di chuyển và xây mới nhà máy sản xuất máy kéo nhỏ” điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: “Từ quý IV/2016 đến quý I/2018” thành “Từ quý IV/2016 đến quý I/2023” và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi lần thứ 01 ngày 04/12/2020 về việc sửa đổi gia hạn thời gian đầu tư. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo này, đã quá thời hạn gia hạn nhưng Tổng Công ty và Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp chưa hoàn tất các thủ tục gia hạn dự án, dự án cũng không phát sinh các hoạt động triển khai cũng như nghiệm thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn	295.226.309.312	295.226.309.312	340.286.269.175	340.286.269.175
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh Doanh Vật Tư Thiết Bị Công nghiệp	8.314.821.625	8.314.821.625	14.303.288.285	14.303.288.285
Công ty TNHH Honda Trading Việt Nam	21.640.050.880	21.640.050.880	30.759.511.976	30.759.511.976
Công ty Cổ phần thương mại CITICOM	14.452.357.590	14.452.357.590	20.793.688.300	20.793.688.300
Công ty TNHH Cường Đại	2.788.467.662	2.788.467.662	3.659.155.508	3.659.155.508
Các đối tượng khác	248.030.611.555	248.030.611.555	270.770.625.106	270.770.625.106
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	86.875.500	86.875.500	86.875.500	86.875.500
Công ty Cổ phần Nakycor	86.875.500	86.875.500	86.875.500	86.875.500
Cộng	295.313.184.812	295.313.184.812	340.373.144.675	340.373.144.675

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.062.961.875	18.556.396.566
Công ty TNHH MTV Ôtô HUAN TAO	1.464.331.174	1.464.331.174
Công ty Cổ phần Cơ điện Việt Nam	945.560.441	945.560.441
Công ty Cổ phần Nguyên Gia Phát	190.430.000	190.430.000
Công ty Cổ phần Kim Hoàng Hào-CN Đà Nẵng	137.611.100	137.611.100
Các đối tượng khác	16.325.029.160	15.818.463.851
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	395.155.522	395.155.522
Các đối tượng khác	395.155.522	395.155.522

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	5.987.494.127	29.707.148.027	25.747.307.162	9.947.334.992
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	10.391.033.051	10.391.033.051	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.985.713.653	5.985.713.653	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	54.128.807.605	97.972.304.810	92.900.981.691	59.200.130.724
Thuế thu nhập cá nhân	7.367.760.460	27.571.320.813	31.139.092.279	3.799.988.994
Thuế tài nguyên	592.811.130	2.064.653.863	2.339.245.792	318.219.201
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	358.251.928	10.285.336.336	3.600.259.783	7.043.328.481
Các loại thuế khác	3.685.145	125.932.907	127.089.475	2.528.577
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.383.144.765	3.724.463.264	2.680.380.461	8.427.227.568
Cộng	75.821.955.160	187.827.906.724	174.911.103.347	88.738.758.537

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP THEO)

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	347.468.936	439.132.846	91.663.910
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	323.241.566	110.261.907	-	212.979.659
Thuế thu nhập doanh nghiệp	256.806.561	250.531.891	14.643.073	20.917.743
Thuế thu nhập cá nhân	421.144.605	1.859.747.159	3.543.016.149	2.104.413.595
Thuế tài nguyên	367.503.386	536.871.861	211.325.647	41.957.172
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	20.000	20.000	-	-
Cộng	1.368.716.118	3.104.901.754	4.208.117.715	2.471.932.079

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí vận chuyển, bảo hiểm, kho bãi (i)	9.955.109.906	11.132.115.003
Chi phí lãi vay	64.708.145.622	59.901.960.737
Trích trước các chi phí khác	12.335.478.138	16.780.079.848
Cộng	86.998.733.666	87.814.155.588

Ghi chú:

- (i) Khoản chi phí phải trả liên quan đến Hợp đồng dịch vụ vận chuyển ô tô tải số 20181230269/TCGc-VM ngày 21/01/2019 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TCG và Nhà máy ô tô VEAM - Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP. Nhà máy đã gửi các Văn bản số 11CV-NM ngày 12/04/2021; số 193/VM-KTDV-PT ngày 31/05/2021; số 77A/CV-VM ngày 26/04/2022 đến Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ TCG về việc hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo này, Nhà máy vẫn chưa nhận được phản hồi.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	174.406.078.917	170.513.758.155
Kinh phí công đoàn	5.388.797.005	9.437.233.653
Các khoản bảo hiểm	822.426.472	145.062.725
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	12.173.309.979	11.609.038.139
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.183.775.616	5.515.158.464
Tài sản thừa chờ xử lý (i)	20.261.688.227	20.367.826.371
Công ty CP Quan hệ quốc tế đầu tư sản xuất (ii)	88.988.000.000	88.988.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.588.081.618	34.451.438.803
b) Dài hạn	1.649.565.300	1.679.207.300
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	1.649.565.300	1.679.207.300
Cộng	176.055.644.217	172.192.965.455

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

20. PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

Ghi chú:

- (i) Tài sản thừa chờ xử lý là hàng tồn kho thừa chưa rõ nguyên nhân phát hiện trong quá trình kiểm kê của Nhà máy ô tô VEAM - chi nhánh của Tổng Công ty theo Biên bản kiểm kê 31/12/2019 và 31/12/2020, Báo cáo kết quả kiểm kê số 38/BC-VM ngày 07/02/2020 và Báo cáo kết quả kiểm kê số 150A/BC-HĐKK ngày 02/03/2021, Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 08/01/2022 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản hợp về công tác kiểm kê năm 2021 số 01/BB-VM ngày 10/01/2022; Báo cáo kết quả kiểm kê số 01/BC-HĐKK ngày 09/01/2023 của Hội đồng kiểm kê; Biên bản hợp về công tác kiểm kê năm 2022 số 01/BB-VM ngày 10/01/2023 của Nhà máy ô tô Veam, tuy nhiên không bao gồm giá trị tài sản thừa là vật tư, hàng hóa kiểm kê thừa không xác định được đơn giá, theo đó không được ghi nhận trong giá trị tài sản thừa chờ xử lý.
- (ii) Thể hiện khoản phải trả Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế Đầu tư Sản xuất liên quan đến việc hợp tác đầu tư thực hiện dự án di dời Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp - Công ty con của Tổng Công ty đến địa điểm mới và đầu tư xây dựng tổ hợp văn phòng, chung cư và trung tâm thương mại tại khu đất số 4 Chu Văn An, Hà Đông, Hà Nội theo Hợp đồng đồng nguyên tắc số 03/2010/HĐNT ngày 23/02/2010 và các phụ lục của Hợp đồng đồng nguyên tắc.

Theo đó, Công ty được Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế đầu tư sản xuất thu xếp tổng số tiền để đầu tư dự án nhà máy mới là 300 tỷ đồng, trong đó bao gồm 50% số tiền nộp ngân sách Nhà nước cho việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất được Nhà nước hoàn lại theo quy định của pháp luật và còn được thu xếp tối thiểu 50 tỷ đồng để góp vốn liên doanh thực hiện dự án. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế đầu tư sản xuất sẽ chuyển tiền đặt cọc cho Công ty là 30 tỷ đồng. Hai bên chưa ký kết phụ lục hợp đồng quy định về tiến độ giải ngân theo hợp đồng đồng nguyên tắc trên.

Số tiền Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp đã nhận từ Công ty Cổ phần Quan hệ Quốc tế đầu tư sản xuất được dùng để thanh toán cho giá trị chuyển nhượng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh từ Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo với số tiền là 71.930.200.000 VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%) và một số chi phí khác, số tiền còn lại được gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (*)	135.330.820.312	135.330.820.312	39.824.179.258	47.999.330.651	127.155.668.919	127.155.668.919
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Tây Hồ	27.335.205.700	27.335.205.700	304.794.300	-	27.640.000.000	27.640.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Nam Thái Nguyên	11.849.945.693	11.849.945.693	11.742.589.606	23.592.535.299	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Thái Nguyên	-	-	11.306.795.352	11.306.795.352	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thăng Long	5.204.902.226	5.204.902.226	1.800.000.000	-	7.004.902.226	7.004.902.226
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN khu vực Bắc Cạn - Thái Nguyên (i)	63.757.186.242	63.757.186.242	150.000.000	-	63.907.186.242	63.907.186.242
Chi nhánh Công ty TNHH Mekong Auto - Bên liên quan	1.840.000.000	1.840.000.000	-	-	1.840.000.000	1.840.000.000
Vay ngắn hạn khác (ii)	25.343.580.451	25.343.580.451	14.520.000.000	13.100.000.000	26.763.580.451	26.763.580.451

Ghi chú:

- (*) Các khoản vay ngắn hạn tại các Công ty con để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh hoặc để thanh toán tiền hàng theo các hợp đồng hạn mức. Các khoản vay dài hạn tại các Công ty con để mua sắm tài sản cố định hoặc thanh toán các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang.

Các Công ty con của Tổng Công ty sử dụng chính tài sản cố định được hình thành từ vốn vay và một số tài sản cố định khác để thế chấp cho các khoản vay nêu trên.

- (i) Vay dài hạn đã quá hạn tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VDB) - Chi nhánh khu vực Bắc Cạn - Thái Nguyên theo Hợp đồng tín dụng đầu tư số 63/2010/HĐTDDT - NHPT ngày 29 tháng 10 năm 2010 giữa chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Cạn - Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị toàn bộ. Mục đích sử dụng tiền vay để thực hiện xây dựng các hạng mục xây lắp, thiết bị của dự án Nhà máy luyện kim phi cốc. Số tiền vay theo hợp đồng là 335.348.000.000 VND. Thời hạn vay là 9,5 năm (kể từ ngày rút vốn lần đầu); thời hạn ân hạn là 1,5 năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Tài sản đảm bảo khoản vay là tài sản hình thành sau đầu tư (bao gồm tài sản hình thành từ vốn vay tín dụng đầu tư của Nhà nước, vốn huy động khác từ Tổng Công ty máy Động lực và máy Nông nghiệp Việt Nam, vốn tự có của Chủ đầu tư) của dự án Nhà máy luyện kim phi cốc, công suất 100.000 tấn sắt xốp/năm.
- (ii) Trong đó bao gồm khoản vay tại Công ty Cổ phần Golden City với số tiền là 5,2 tỷ VND như trình bày tại Thuyết minh số 1 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP

Lô D, khu D1, phường Phú Thượng,

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	13.288.000.000.000	27.089.186.656	(71.424.341.027)	4.262.630.249	28.125.501.907	12.218.270.751.580	231.112.094.170	25.725.435.823.535
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	7.361.192.564.715	70.529.938.012	7.431.722.502.727
Chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi đơn vị tiền tệ của Veam Korea Corporation sang VND	-	-	-	97.683.855	-	-	12.073.286	109.757.141
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(139.594.407.334)	(33.167.992.823)	(172.762.400.157)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(6.690.747.184.000)	(48.047.955.800)	(6.738.795.139.800)
Tại ngày 31/12/2024	13.288.000.000.000	27.089.186.656	(71.424.341.027)	4.360.314.104	28.125.501.907	12.749.121.724.961	220.438.156.845	26.245.710.543.446
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	3.372.914.085.552	37.235.951.572	3.410.150.037.124
Chênh lệch tỷ giá khi chuyển đổi đơn vị tiền tệ của Veam Korea Corporation sang VND	-	-	-	171.259.079	-	-	21.166.853	192.425.932
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(54.197.959.875)	(19.627.745.149)	(73.825.705.024)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(1.317.120.000)	(1.317.120.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	3.191.044.910	(223.962.200)	2.967.082.710
Tại ngày 30/06/2025	13.288.000.000.000	27.089.186.656	(71.424.341.027)	4.531.573.183	28.125.501.907	16.071.028.895.548	236.526.447.921	29.583.877.264.188

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.328.800.000	1.328.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.328.800.000	1.328.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.328.800.000	1.328.800.000
Cổ phiếu phổ thông	1.328.800.000	1.328.800.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (sửa đổi lần thứ mười một ngày 01 tháng 7 năm 2024), vốn điều lệ của Tổng Công ty là 13.288.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 13.288.000.000.000 VND). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Bộ Công thương	11.755.829.660.000	88,47%	11.755.829.660.000	88,47%
Các đối tượng khác	1.532.170.340.000	11,53%	1.532.170.340.000	11,53%
Cộng	13.288.000.000.000	100%	13.288.000.000.000	100%

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	1.655.662,86	1.585.368,5
- EUR	921,13	1.762,5
- JPY	191	191,0
- CAD	47316,5	368,6

24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Trong kỳ, Tổng Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác trọng yếu, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2025 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh máy động lực và máy nông nghiệp. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động kinh doanh được trình bày tại các Thuyết minh số 25 và số 26.

Tổng Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.976.909.496.072	1.851.012.873.958
Doanh thu cung cấp dịch vụ	96.780.618.855	66.596.332.970
Doanh thu khác	18.156.054.616	12.229.664.559
Cộng	2.091.846.169.543	1.929.838.871.487
 Các khoản giảm trừ doanh thu	 4.364.300.113	 6.858.172.265
Trong đó:		
- Chiết khấu thương mại;	3.762.452.369	2.004.114.430
- Giảm giá hàng bán	27.236.700	-
- Hàng bán bị trả lại.	574.611.044	4.854.057.835
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.087.481.869.430	1.922.980.699.222

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm	1.678.253.657.840	1.555.284.729.354
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	73.951.726.921	53.854.668.756
Giá vốn khác	4.425.310.188	4.667.228.024
Các khoản chi phí vượt định mức	11.376.242.246	15.930.333.169
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	28.680.058.307	(10.078.995.712)
Cộng	1.796.686.995.502	1.619.657.963.591

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	413.322.775.552	433.485.793.654
Lãi hỗ trợ vốn (i)	-	11.251.521
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	75.464.324
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	9.641.724.551	8.609.615.295
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	11.316.419	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.833.548	36.439.367
Cộng	423.010.650.070	442.218.564.161

Ghi chú:

- (i) Trong kỳ này, Tổng Công ty chưa ghi nhận lãi hoạt động hỗ trợ vốn của các khoản hỗ trợ vốn cho các công ty con và công ty liên kết. Lãi hoạt động hỗ trợ vốn phát sinh từ các khoản hỗ trợ vốn trên được Tổng Công ty xác định và ghi nhận phụ thuộc vào tình hình sản xuất kinh doanh của công ty liên kết với lãi suất từ 0%-5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền vay	538.524.258	1.021.038.412
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.693.556.679	1.248.981.118
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	298.160.990	-
Chi phí tài chính khác	77.996.863	66.171.979
Cộng	4.608.238.790	2.336.191.509

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	16.484.024.335	14.578.545.480
Chi phí vật liệu, bao bì, dụng cụ đồ dùng	2.474.080.641	2.874.228.826
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.200.841.568	1.343.816.200
Trích lập/Hoàn nhập chi phí bảo hành	(12.161.144)	127.903.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.151.432.098	6.113.980.343
Chi phí bằng tiền khác	16.308.118.875	17.529.674.943
Cộng	44.606.336.373	42.568.148.910
Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	135.553.760.984	120.865.590.794
Chi phí vật liệu quản lý	7.134.151.478	5.399.802.237
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	15.980.568.129	15.833.202.173
Thuế, phí và lệ phí	7.213.788.617	9.200.630.546
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng	1.000.431.089	(633.880.967)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.796.176.939	15.800.363.671
Chi phí bằng tiền khác	48.000.236.019	35.825.640.458
Cộng	228.679.113.255	202.291.348.912

30. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản cố định, phế liệu, vật tư thu hồi	3.749.850.911	7.272.727
Thu tiền đền bù, bồi thường thiệt hại, phạt vi phạm hợp đồng	1.429.664.528	2.310.583.927
Các khoản khác	1.647.900.960	1.591.182.309
Cộng	6.827.416.399	3.909.038.963

31. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định không sử dụng	2.296.588.275	2.260.353.939
Các khoản bị phạt thuế, vi phạm hành chính	1.882.910.783	746.500.743
Các khoản chi phí khác	670.453.667	2.387.330.379
Cộng	4.849.952.725	5.394.185.061

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.070.256.430.706	938.138.026.981
Chi phí nhân công	431.226.530.171	377.316.968.287
Chi phí khấu hao tài sản cố định	98.841.326.557	103.508.996.239
Chi phí dự phòng	26.395.834.823	(15.342.825.654)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	119.123.300.105	103.652.768.718
Chi phí khác bằng tiền	109.569.874.094	97.281.654.235
Cộng	1.855.413.296.456	1.604.555.588.806

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty	68.431.570.228	74.262.271.781
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	29.791.266.473	31.292.078.811
Chi phí thuế TNDN hiện hành	98.222.836.701	105.554.350.592

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	3.372.914.085.552	3.218.559.810.670
Điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.372.914.085.552	3.218.559.810.670
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu	1.328.800.000	1.328.800.000
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	10.000	10.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.538	2.422

Ghi chú:

- (i) Công ty mẹ đã thực hiện trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2024, tuy nhiên, Công ty mẹ không tách được quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 nên không trình bày lại chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu. Chỉ tiêu này sẽ được trình bày lại vào báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (i)	1.611.550.805	746.296.260

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Ghi chú:

(i) Khoản thanh toán và phân bổ thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng và thuê kho tại các địa điểm sau:

- Khoản thuê Văn phòng tại 90-92 Trần Bình Trọng, Hồ Chính Minh theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT/2008 ký ngày 04 tháng 8 năm 2008 và Phụ lục ngày 8/12/2010 với Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, thời hạn thuê 20 năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2008. Tiền thuê đã trả một lần là 30.645.000.000 VND.
- Khoản thuê đất và tài sản trên đất tại KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh theo hợp đồng kinh tế số 05/HĐKT/TAMAC-VEAM/2024 ký ngày 27/09/2024. Bên cho thuê: Công ty TNHH MTV Máy kéo và Máy nông nghiệp, thời hạn thuê 12 tháng đến ngày 1/9/2025, đơn giá thuê 1.794.000.000 VND/năm.
- Khoản thuê kho tại Tổ 22, Thị trấn Đông Anh, Hà Nội theo hợp đồng số 1512/HĐ-VEAM-CPLOA ký ngày 15/12/2023 và Phụ lục số 001/2024/VEAM-COLOA ngày 31/12/2024. Bên cho thuê: Công ty Cổ phần Cơ khí Cổ Loa, thời hạn thuê 24,5 tháng đến ngày 31/12/2025, đơn giá thuê 78.540.000 VND/năm.
- Khoản thuê kho tại Khu phố 1, Bình Đa, Biên Hòa, Đồng Nai theo hợp đồng số 001/HĐ-VEAM/SVEAM/2025 ký ngày 31/12/2024. Bên cho thuê: Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam, thời hạn thuê 12 tháng đến ngày 31/12/2025, đơn giá thuê 99.600.000 VND/năm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng 01 năm	354.343.182	1.258.272.727
Từ năm thứ 02 đến năm thứ 05	-	-
Trên 05 năm	-	-
Cộng	354.343.182	1.258.272.727

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia: không bao gồm các khoản chênh lệch chưa thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán liên quan đến lãi dự thu, lãi hỗ trợ vốn, cổ tức và lợi nhuận được chia. Vì vậy, số tiền trình bày tại chỉ tiêu “Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia” phản ánh số tiền thực tế thu được trong kỳ, và một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu (Tăng)/giảm các khoản phải thu.

Tiền lãi vay đã trả: không bao gồm các khoản chênh lệch chưa thanh toán tại ngày kết thúc kỳ kế toán liên quan đến lãi dự trả. Vì vậy, số tiền trình bày tại chỉ tiêu “Tiền lãi vay đã trả” phản ánh số tiền thực tế thu được trong kỳ, và một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

37. GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN

	Từ 01/01/20205 đến 30/06/2025	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024
	VND	VND
Mua hàng	89.318.502.760	95.729.618.126
Công ty Honda Việt Nam	88.486.965.928	95.099.224.744
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	831.536.832	630.393.382
Bán hàng	555.513.092.419	499.650.795.962
Công ty Honda Việt Nam	525.555.236.655	476.921.420.581
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	29.674.120.786	22.479.096.381
Công ty TNHH Ford Việt Nam	-	162.564.000
Công ty CP Cơ khí An Giang	283.734.978	87.715.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.111.302.624.240	5.087.514.685.993
Công ty Honda Việt Nam	5.931.764.124.421	5.079.453.599.993
Công ty TNHH Ford Việt Nam	179.267.773.819	-
Công ty CP Đầu tư VEAM Tây Hồ	270.726.000	270.726.000
Công ty CP Cơ khí An Giang	-	7.790.360.000
Lãi hỗ trợ vốn	-	11.251.521
Công ty CP NAKYCO	-	11.251.521

38. NỢ TIỀM TÀNG

Liên quan đến vấn đề tiền thuê đất, Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam ("SVEAM") hiện đang tạm ghi nhận tiền thuê đất theo hướng dẫn tại Văn bản số 6366/STNMT-QH ngày 16/08/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai "Rà soát hồ sơ về giá thuê đất của Công ty TNHH MTV Động cơ và Máy nông nghiệp Miền Nam tại phường Bình Đa, thành phố Biên Hòa" mà chưa phản ánh theo các Thông báo nộp tiền thuê đất của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai. Công ty đã gửi các văn bản kiến nghị đến các cơ quan ban ngành và vẫn đang tiếp tục làm việc với Cục Thuế Tỉnh Đồng Nai. Ngày 24/8/2021, Ủy ban nhân dân Tỉnh Đồng Nai đã có công văn số 10242 giao Cục thuế tỉnh chủ trì phối hợp Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các đơn vị liên quan rà soát các quy định để xác định lại đơn giá thuê đất theo quy định. Ngày 25/04/2022, Tổng Cục Thuế đã ban hành Công văn số 1263/TCT-CS đề nghị Cục Thuế tỉnh Đồng Nai căn cứ các quy định rà soát, đối chiếu hồ sơ, hợp đồng thuê đất thực tế, đồng thời phối hợp với các đơn vị quản lý nhà nước về đất đai địa phương (Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường) để thống nhất việc xác định đơn giá thuê đất cho giai đoạn 2011-2015. Ngày 31/01/2024, Công ty gửi Công văn số 014/CV-SVEAM-HC đến Tổng Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, Cục thuế tỉnh Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường với nội dung kiến nghị được tiếp tục áp dụng đơn giá thuê đất theo Quyết định số 1357/TC/QĐ/TCT ngày 30/12/1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Ngày 14/11/2024, Biên bản họp giữa Kiểm toán nhà nước khu vực XIII, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, Cục thuế tỉnh Đồng Nai và SVEAM giải quyết kiến nghị đơn giá thuê đất của SVEAM, ý kiến kết luận trong Biên bản là "Công ty chưa thống nhất về giá nêu tại Hợp đồng 28/HĐTD thì Công ty có thể đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét". Ngày 10/12/2024, SVEAM có lập công văn số 161/CV-SVEAM/HC, trình UBND tỉnh Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, Cục thuế tỉnh Đồng Nai: "Kiến nghị được tiếp tục áp dụng đơn giá thuê đất theo Quyết định số 1357/TC/QĐ/TCT ngày 30/12/1995 của Bộ Tài Chính". Cho đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty vẫn chưa nhận được thông tin phản hồi từ Tổng Kiểm toán Nhà nước, Kiểm toán Nhà nước khu vực XIII, Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, Cục thuế tỉnh Đồng Nai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai, kết quả kiến nghị vẫn chưa được xác định. Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 chưa có bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến vấn đề này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

39. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Theo Hợp đồng hợp tác liên doanh số 149/HĐLD/THĐ-TBG ngày 10/11/2009 và Phụ lục Hợp đồng số 01/Pl-HĐLD ngày 15/10/2010 ký giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Trần Hưng Đạo - Công ty con và Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tài chính Thái Bình ("TBG"), TBG sẽ đền bù cho Công ty con giá trị lợi thế thương mại, tài sản nổi trên đất (nhà cửa, vật kiến trúc) với số tiền là 40.000.000.000 VND; Số tiền này sẽ được TBG thanh toán theo phương thức thay mặt Công ty con chuyển tiền góp vốn Công ty TNHH Liên doanh Đầu tư Tài chính Thái Bình Dương (Công ty liên doanh). Tuy nhiên, Công ty con chưa được đối tác cung cấp hồ sơ, tài liệu về giao dịch thanh toán này của TBG cho Công ty liên doanh; theo đó, Công ty con không ghi nhận giá trị khoản vốn góp vào Công ty liên doanh trên Báo cáo tài chính.

40. THÔNG TIN KHÁC

Quyết toán cổ phần hóa

Báo cáo tài chính được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025 chưa bao gồm các điều chỉnh (nếu có) liên quan đến việc quyết toán cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng Công ty do Tổng Công ty chưa có biên bản phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của các cơ quan có thẩm quyền tại ngày Công ty mẹ - Tổng Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần. Đồng thời các lô đất thuê trong toàn Tổng Công ty đang được rà soát để ký lại các hợp đồng thuê đất khi Tổng Công ty chuyển từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần với các cơ quan có thẩm quyền.

Cổ tức và phân phối lợi nhuận

Ngày 29/5/2025, Hội đồng Quản trị đã có tờ trình số 368/TTr-HĐQT trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 về việc phân phối lợi nhuận năm 2024: chia cổ tức số tiền 6.189.656.704.000 VND; trích quỹ thưởng người quản lý và quỹ khen thưởng người lao động, phúc lợi với số tiền lần lượt là 1.331.042.339 VND và 62.518.231.493 VND; hiện nay, Bộ Công Thương chưa có ý kiến về việc chấp thuận phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 nên Hội đồng Quản trị đã đề nghị Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện phân phối lợi nhuận theo ý kiến của Bộ Công Thương. Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận theo tờ trình số 368/TTr-HĐQT theo Nghị quyết số 02/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/06/2025.

Các thông tin khác

Tổng Công ty đang thực hiện các kết luận tại Kết luận thanh tra số 1538/KL-TTCTP ngày 07/7/2023 của Thanh tra Chính phủ về tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương và Kết luận số 3202/KL-BCT ngày 08/5/2019 của Bộ Công Thương về thanh tra công tác quản lý, sử dụng vốn, tài sản; tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; công tác tổ chức cán bộ tại Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp - CTCP. Trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện theo các kết luận và định kỳ báo cáo tiến độ thực hiện cũng như các vướng mắc trong quá trình triển khai đến các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 167/2023/HSPT ngày 17/3/2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2022/HS-ST ngày 24/5/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 7, 8, 15), trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục phối hợp với Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội để có cơ sở đẩy mạnh việc thu hồi toàn bộ số tiền theo các Bản án nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo

40. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

Các thông tin khác (Tiếp theo)

Theo Bản án hình sự phúc thẩm số 855/2023/HS-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Bản án hình sự sơ thẩm số 234/2023/HS-ST ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Tòa án Nhân dân thành phố Hà Nội, các cá nhân có liên quan trong việc mua bán xe ô tô giảm giá trái quy định; mua sắm, lắp, yếm trái quy định phải bồi thường cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 55.673.446.360 VND và 16.828.878.687 VND, buộc các cá nhân có liên quan phải trả lại cho Nhà máy ô tô VEAM số tiền lần lượt là 2.417.298.653 VND và 1.468.609.133 VND. Đồng thời, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Ngày 23 tháng 01 năm 2024, Giám đốc Nhà máy ô tô VEAM gửi Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội đơn yêu cầu thi hành án với các nội dung tại các Bản án nêu trên. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty chưa ghi nhận các khoản phải thu theo kết quả bản án và tiền lãi chậm trả tương ứng theo nguyên tắc thận trọng do các khoản công nợ phải thu này chưa xác định được thời gian thu hồi.

Nhà máy ô tô VEAM đang sử dụng thửa đất được thuê tại phường Bắc Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo hợp đồng số 212/HĐ/TĐ ngày 18 tháng 12 năm 2006 giữa Tổng Công ty và UBND tỉnh Thanh Hóa để sử dụng với mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích tổng khu đất thuê là 288.804,9 m². Theo các hợp đồng này, Nhà máy ô tô VEAM phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.



Nguyễn Hoàng Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Vũ Phong Hải
Phụ trách kế toán

Bùi Tuấn Anh
Người lập biểu